

Bản án số: 87/2025/HS-PT

Ngày: 13 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long.

Các Thẩm phán: ông Đặng Kim Nhân
ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Trần Viết Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo **Lê Huỳnh Như T1** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; do Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2025/HS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà bị kháng cáo.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Lê Huỳnh Như T1, sinh năm 1987, tại Khánh Hòa;

Nơi cư trú: **Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố L, phường C, tỉnh Khánh Hòa)**; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn T2** (đã chết); con bà **Huỳnh Thị Kim C**, sinh năm 1960; vợ: **Tôn Thị Mỹ N**, sinh năm 1984 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2023 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông **Nguyễn Văn H** – Luật sư **Công ty L2**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh K**; có văn bản xin xét xử vắng mặt, có bản luận cứ bào chữa, bị cáo đồng ý xử vắng mặt luật sư.

- Bị hại kháng cáo: bà **Đỗ Thị D**, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: **Số B N, Tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa;** (nay là **phường C, tỉnh Khánh Hòa**); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại* **Đỗ Thị D:** ông **Lê Trường H1**, Luật sư **Công ty L3, Đoàn luật sư tỉnh K;** có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Huỳnh Như T1 không có nghề nghiệp ổn định, không có mối quan hệ quen biết và cũng không làm môi giới để thực hiện các thủ tục xin cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ), tách thửa đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Do không có tiền tiêu xài nên **T1** nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách tự nhận bản thân là nhà báo của **B1** và Pháp luật và có nhiều mối quan hệ quen biết nên có thể thực hiện các thủ tục xin cấp GCNQSDĐ, tách thửa đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Đầu năm 2022, **T1** được **Huỳnh Tấn P** giới thiệu và làm quen với ông **Bùi Thanh L**. Do đang gặp khó khăn trong việc xin cấp GCNQSDĐ cho 04 thửa đất tại **thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** (03 thửa đất tại **xã C** và 01 thửa đất tại **phường C**) nên sau khi nghe Thường giới thiệu có khả năng làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ ông **L** đã nhờ **T1** làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho 4 thửa đất này. **T1** đồng ý và báo tổng số tiền để thực hiện thủ tục cấp 04 GCNQSDĐ đứng tên vợ chồng ông **L** là 1.460.000.000 đồng. Từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2022, ông **L** đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản số 0909482525 của **Lê Huỳnh Như T1** mở tại **ngân hàng M** do **T1** cung cấp với tổng số tiền 1.460.000.000 đồng. Đến ngày 25/6/2022, **T1** làm giấy xác nhận, ký tên đã nhận đủ số tiền 1.460.000.000 đồng, cam kết sẽ hoàn thành việc cấp 04 GCNQSDĐ cho ông **L** vào ngày 19/10/2022 và đưa cho ông **L** giữ giấy biên nhận này. Sau đó, **T1** đã lên mạng internet tìm kiếm và đặt làm giả 06 GCNQSDĐ đứng tên ông **Bùi Thanh L** và bà **Phạm Thị Ngọc H2** (vợ ông **L**) số DB806950, DB806121, DB806121, CN296203, CN 296268, CN296287 tất cả đều ghi cấp ngày 20/7/2022 do **Ủy ban nhân dân thành phố C** cấp, người ký: Phó Chủ tịch **Ngô Hữu H3**, đóng dấu mộc đỏ ghi của **Ủy ban nhân dân thành phố C**. Thường trả tiền làm giả 06 GCNQSDĐ này bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng và nhận các GCNQSDĐ giả này bằng đường bưu điện. Ngày 25/7/2022, **T1** chọn 03 GCNQSDĐ giả nhìn giống thật nhất là các giấy số DB806950, DB806121, DB806121 để đưa cho ông **Bùi Thanh L**. **T1** nói với ông **L** đây là 03 GCNQSDĐ đã làm theo thỏa thuận giữa hai bên. Thường hẹn ông **L** còn 01 GCNQSDĐ nữa sẽ giao sau. Vì không có biên nhận của **Phòng T4** nên ông **L** nghi ngờ đây là GCNQSDĐ giả nên yêu cầu **T1** làm thủ tục để ông trực tiếp đến nhận GCNQSDĐ tại **Phòng T4**. Nhận thấy việc làm giả GCNQSDĐ để lừa ông **L** có

nguy cơ bị lộ nên T1 lấy lại 03 GCNQSDĐ giả từ ông L rồi đi khỏi thành phố C, tỉnh Khánh Hòa một thời gian để trốn tránh.

Đầu năm 2023, T1 quay trở về thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Khoảng tháng 3 năm 2023, T1 làm quen với bà Đỗ Thị D và biết được bà D đang gặp khó khăn trong việc xin cấp GCNQSDĐ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa đất. Thường tiếp tục sử dụng thủ đoạn tự nhận bản thân là nhà báo của B1 và Pháp luật, có nhiều mối quan hệ quen biết và hứa hẹn thực hiện các thủ tục cấp GCNQSDĐ, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa đất đối với 05 thửa đất đứng tên bà D và 01 thửa đất đứng tên ông Nguyễn Doãn H4 với tổng số tiền 3.664.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Tách diện tích thửa đất 5120,4 m² (theo GCNQSDĐ số CR699276) thành 05 thửa đất có sổ riêng, mỗi thửa có 100m² đất thổ cư tại Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đứng tên bà D với tổng số tiền 1.200.000.000 đồng;

- Làm GCNQSDĐ thể hiện chuyển diện tích 100m² thửa đất có diện tích 2559m² thành đất thổ cư (theo GCNQSDĐ số CX218369) đứng tên bà D tại Tổ dân phố P, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa với số tiền 64.000.000 đồng.

- Làm GCNQSDĐ mới thửa đất có diện tích 700 m² tại Tổ dân phố C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đứng tên Nguyễn Doãn H4 (là người quen của bà D) với số tiền 700.000.000 đồng (Vì có việc làm ăn chung với ông H4 nên giữa bà D và ông H4 thỏa thuận bà D sẽ chi trả toàn bộ số tiền 700.000.000 đồng này cho T1, sau khi nhận GCNQSDĐ ông H4 sẽ trả lại bà D số tiền này).

- Làm GCNQSDĐ mới thửa đất có diện tích 5000m² tại Tổ dân phố P, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đứng tên bà D với tổng số tiền 700.000.000 đồng.

- Làm GCNQSDĐ mới và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất rừng sản xuất sang đất trồng cây lâu năm với tổng diện tích 77.387 m² tại thôn T, C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa đứng tên bà D với số tiền 600.000.000 đồng.

- Làm GCNQSDĐ mới thửa đất có diện tích gần 10.000 m² tại thôn H, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đứng tên bà D với số tiền 400.000.000 đồng.

Thường hứa với bà D sẽ hoàn thành tất cả công việc như đã thỏa thuận vào trước tháng 10 năm 2023. Bà D đưa cho T1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX218396, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR699276 đứng tên Đỗ Thị D, 01 giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy viết mục, bản chính) của Lê Ngọc P1 và Lê Thị Mỹ D1 chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị D. Từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2023 bà D đã nhiều lần chuyển khoản tổng số tiền 3.664.000.000 đồng đến tài khoản số 1029854937 của Lê Huỳnh Như T1 tại ngân hàng V. Sau

khi nhận đủ số tiền trên, T1 không thực hiện bất cứ việc gì để làm GCNQSDĐ như đã thỏa thuận với bà D mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên tiêu xài cá nhân và trốn tránh bà D. Sau khi nhận được tiền từ bà D, T1 đã chuyển số tiền 657.755.161 đồng từ tài khoản ngân hàng V số 1029854937 đến tài khoản ngân hàng B2 số 60210000495269 của Thường để cất giữ.

Sau khi phát hiện T1 lừa đảo chiếm đoạt tiền, ông L và bà D làm đơn tố cáo đến Cơ quan Công an.

Ngày 17/10/2023, bà Đỗ Thị D phát hiện Lê Huỳnh Như T1 và Lê Thị Ái D2 (sống chung như vợ chồng với T1) ở bãi xe Hoa Đ, địa chỉ: G N, thành Phố N, tỉnh Khánh Hòa nên đã yêu cầu T1 và D2 đến Công an phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa để làm việc. Tại Cơ quan Công an, T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Duyên chủ động giao nộp các tài sản liên quan đến việc phạm tội của T1 đang để tại bãi xe Hoa Đ và tại nhà thuê của T1 và D2 tại địa chỉ thôn D, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong đó có: 02 (hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, ký hiệu: CR699276 và CX218396, mang tên “Đỗ Thị D”, đề ngày 19/4/2019, 09/10/2020; 06 (sáu) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, ký hiệu: DB806121, DB86950, DB 806121, CN296203, CN296268, CN296287; mang tên “Bùi Thanh L”, “Phạm Thị Ngọc H2”, đề ngày 20/7/2022 và 01 giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy viết mực, bản chính) của Lê Ngọc P1 và Lê Thị Mỹ D1 chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị D.

Ngày 29/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K ra Quyết định trưng cầu giám định số 972/QĐ-CSĐT(HS)-Đ2 để trưng cầu các GCNQSDĐ thu giữ ở trên là thật hay giả.

Tại bản kết luận giám định số 150/2024/KL-KTHS ngày 07/3/2024 của Phòng K Công an tỉnh K kết luận:

- 02 (hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, ký hiệu: CR699276 và CX218396, mang tên “Đỗ Thị D”, đề ngày 19/4/2019, 09/10/2020 (Tài liệu cần giám định – ký hiệu A1, A2) là thật.

- 06 (sáu) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, ký hiệu: DB806121, DB86950, DB 806121, CN296203, CN296268, CN296287; mang tên “Bùi Thanh L”, “Phạm Thị Ngọc H2”, đề ngày 20/7/2022 (Tài liệu cần giám định – ký hiệu A3 đến A8) là giả.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2025/HS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

1. Căn cứ vào: Điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Huỳnh Như T1** 15 (Mười lăm) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 04 (B) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Buộc bị cáo **Lê Huỳnh Như T1** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 19 (Mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông **Bùi Thanh L** số tiền 1.450.000.000 (*Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*) và bà **Đỗ Thị D** số tiền 3.664.000.000 đồng (*Ba tỷ sáu trăm sáu mươi bốn triệu đồng*).

3. Về vật chứng vụ án:

* Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giữ các vật chứng sau đây để đảm bảo cho nghĩa vụ bồi thường và các nghĩa vụ khác được tuyên trong phần quyết định của bản án đối với bị cáo:

- Số tiền 657.755.161 đồng thu từ tài khoản **ngân hàng B2** của **Lê Huỳnh Như T1** đến tài khoản tạm giữ số 3949.0904.2403.00000 do **Công an tỉnh K** mở tại Kho bạc Nhà nước **chi nhánh tỉnh K** (theo Lệnh thanh toán đến ngày 19/6/2024 của **K1 chi nhánh tỉnh K**);

- 01 sợi lắc vàng, 03 sợi dây chuyền vàng, 02 chiếc nhẫn vàng có đính đá, 01 cong vàng, 01 nhẫn vàng, 01 vòng vàng có gắn công trên vòng tròn, 01 chiếc cong vàng có đính đá mặt ngoài, 02 chiếc nhẫn vàng, 01 mặt dây chuyền vàng có đính đá (Loại, chất lượng và khối lượng vàng có biên bản xác nhận kèm theo) đã chuyển kho bạc Nhà nước theo Lệnh nhập kho vật chứng số 710/LNK- CSĐT-HS(Đ2) ngày 06/02/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh K**.

- 01 xe ô tô hiệu KIA, loại Cerato, màu đỏ, BKS: 79A-462.35 (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 79A-462.35 mang số 79 001694 đứng tên **Lê Huỳnh Như T1**; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe số XO/23/067619; 01 giấy chứng nhận kiểm định số KD8546164;

- 01 xe ô tô hiệu HUYNDAI, loại Santafe, màu nâu, BKS: 60A-227.77 (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 60A-227.77 mang số 60 055064 đứng tên **Phạm Thành L1**, 01 giấy chứng nhận kiểm định số DA 2460732, 02 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô số XO/23/021499 và XO/23/021500; 01 hợp đồng ủy quyền của ông **Phạm Thành L1** và **Hồ Thị Mỹ D3** ủy quyền cho **Lê Huỳnh Như T1** đối với xe ô tô BKS: 60A-227.77; 01 hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 1717XE01236010;

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, màu đen, BKS: 79N3-137.71 (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 79N3-137.71 mang số 79 006838 đứng tên **Trần Văn T3**; 01 hợp đồng ủy quyền của ông **Trần Văn T3** ủy quyền cho **Lê Huỳnh Như T1** đối với xe mô tô BKS: 79N3-137.71;

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, màu đỏ - đen, BKS: 79N2-077.02 (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 79 023370 đứng tên **Lê Thị Ái D2**; 01 hợp đồng mua bán xe của cửa hàng xe máy **Ú** bán cho **Lê Huỳnh Như T1** xe mô tô BKS: 79N2-077.02;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max màu tím, 03 điện thoại di động ghi hiệu Vertu, 01 điện thoại di động hiệu **S** Fold 2 màu hồng, 03 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy);

- 09 giấy bảo đảm mua bán vàng của **tiệm V1** (địa chỉ: **H N, Chợ X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**);

- 16 đồng hồ các loại (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy): 01 đồng hồ hiệu NIBOSI, 04 đồng hồ hiệu GUOU, 01 đồng hồ hiệu ROLEX, 01 đồng hồ hiệu CHRIST, 01 đồng hồ hiệu MICHAEL KORS, 01 đồng hồ hiệu VERSUS, 02 đồng hồ hiệu OMEGA, 01 đồng hồ hiệu LONGINES, 01 đồng hồ hiệu BURBERRY, 01 đồng hồ hiệu BOLUN, 01 đồng hồ hiệu GOGOY, 01 đồng hồ hiệu ORIENT;

- 01 laptop hiệu Acer, màu đen, hiệu TravelMate B3 TMB311-31-C2HB (NX.VNFSV.006) (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 biên nhận thu tiền của **cửa hàng T5** di động đối với **laptop A**, giá 5.888.000 đồng.

* Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên trả:

+ 01 hộ chiếu số E00771964 và 01 giấy thông hành xuất nhập cảnh số H2078150 tên **Lê Thị Ái D2** cho bà **Lê Thị Ái D2**;

+ 01 thẻ bảo hành sản phẩm **Vertu F**, tên khách hàng: Lê Thường; 01 hộ chiếu số P00434647; 01 giấy thông hành xuất nhập cảnh số H2078149 mang tên **Lê Huỳnh Như T1**; 07 thẻ ATM gồm: 02 thẻ ATM **ngân hàng M**, 01 thẻ ATM **ngân hàng V**, 01 thẻ ATM **ngân hàng T6**, 01 thẻ ATM **ngân hàng S1**, 01 thẻ ATM **ngân hàng B2**, 01 thẻ ATM **ngân hàng A1** cùng mang tên **Lê Huỳnh Như T1** cho bị cáo.

Vật chứng được giao nhận theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/3/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh K** và Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] *Kháng cáo:*

Ngày 07/6/2025, bị hại bà **Đỗ Thị D** kháng cáo về phần trách nhiệm bồi thường dân sự.

[4] *Tại phiên toà phúc thẩm:*

Bà **Đỗ Thị D** có đơn xin vắng mặt, đồng thời có Luật sư **Lê Trường H1** trình bày yêu cầu kháng cáo cho Bà. Luật sư **H1** trình bày thống nhất mức trách nhiệm bồi thường dân sự của bà **Đỗ Thị D** như Bản án sơ thẩm, nhưng kháng cáo đề nghị tuyên những tài sản đã tạm giữ để đảm bảo cho nghĩa vụ bồi thường thì ưu tiên thanh toán riêng cho bà **Đỗ Thị D**. Bị hại không có kháng cáo gì về tội danh và hình phạt.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị hại kháng cáo đề nghị tuyên những tài sản đã tạm giữ để đảm bảo cho nghĩa vụ bồi thường thì ưu tiên thanh toán riêng cho bà **Đỗ Thị D** là không hợp lý; bản án sơ thẩm tuyên tiếp tục tạm giữ để bảo đảm nghĩa vụ bồi thường dân sự và các nghĩa vụ khác là đúng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kháng cáo của bà **Đỗ Thị D** được xác định là về phần xử lý vật chứng, là kháng cáo đề nghị ưu tiên xử lý vật chứng tạm giữ để thanh toán riêng cho bị hại **D**.

[2] Về hành vi phạm tội:

Bị cáo **Lê Huỳnh Như T1** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với các lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ năm 2022 đến năm 2023, tại **thành phố C, tỉnh Khánh Hòa**, **Lê Huỳnh Như T1** đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách tự nhận bản thân mình là nhà báo của **B1** và Pháp luật và có nhiều mối quan hệ quen biết nên có thể thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, tách thửa đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để lừa đảo chiếm đoạt của ông **Bùi Thanh L** 1.460.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm sáu mươi triệu đồng*) và bà **Đỗ Thị D** 3.664.000.000 đồng (*Ba tỷ sáu trăm sáu mươi bốn triệu đồng*), tổng cộng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 5.124.000.000 đồng (*Năm tỷ một trăm hai mươi bốn triệu đồng*). Để tạo lòng tin, che giấu hành vi lừa đảo của mình và nhằm thực hiện được hành vi lừa đảo của mình, **T1** đã sử dụng 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số DB806950, DB806121, DB806121 đưa cho ông **Bùi Thanh L**.

Bản án sơ thẩm đã quyết định bị cáo **Lê Huỳnh Như T1** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng cáo của bị hại **Đỗ Thị D**:

Bản án sơ thẩm đã quyết định về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo **T1** phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông **Bùi Thanh L** số tiền 1.450.000.000 (*Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*) và bồi thường cho bà **Đỗ Thị D** số tiền 3.664.000.000 đồng (*Ba tỷ sáu trăm sáu mươi bốn triệu đồng*).

Về vật chứng vụ án đã quyết định tạm giữ các vật chứng sau đây để đảm bảo thi hành nghĩa vụ dân sự và các nghĩa vụ khác được tuyên trong phần quyết định của bản án đối với bị cáo:

- Số tiền 657.755.161 đồng thu từ tài khoản **ngân hàng B2** của **Lê Huỳnh Như T1** đến tài khoản tạm giữ số 3949.0904.2403.000000 do **Công an tỉnh K** mở tại Kho bạc Nhà nước **chi nhánh tỉnh K** (theo Lệnh thanh toán đến ngày 19/6/2024 của **K1 chi nhánh tỉnh K**);

- 01 sợi lắc vàng, 03 sợi dây chuyền vàng, 02 chiếc nhẫn vàng có đính đá, 01 cong vàng, 01 nhẫn vàng, 01 vòng vàng có gắn cong trên vòng tròn, 01 chiếc cong vàng có đính đá mặt ngoài, 02 chiếc nhẫn vàng, 01 mặt dây chuyền vàng có đính đá (Loại, chất lượng và khối lượng vàng có biên bản xác nhận kèm theo) đã chuyển kho bạc Nhà nước theo Lệnh nhập kho vật chứng số 710/LNK- CSĐT-HS(Đ2) ngày 06/02/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh K**.

- 01 xe ô tô hiệu KIA, loại Cerato, màu đỏ, BKS: 79A-462.35 (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 79A-462.35 mang số 79 001694 đứng tên **Lê Huỳnh Như T1**; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe số XO/23/067619; 01 giấy chứng nhận kiểm định số KD8546164;

- 01 xe ô tô hiệu HUYNDAI, loại Santafe, màu nâu, BKS: 60A-227.77 (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 60A-227.77 mang số 60 055064 đứng tên **Phạm Thành L1**, 01 giấy chứng

nhận kiểm định số DA 2460732, 02 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô số XO/23/021499 và XO/23/021500; 01 hợp đồng ủy quyền của ông **Phạm Thành L1** và **Hồ Thị Mỹ D3** ủy quyền cho **Lê Huỳnh Như T1** đối với xe ô tô BKS: 60A-227.77; 01 hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 1717XE01236010;

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, màu đen, BKS: 79N3-137.71 (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 79N3-137.71 mang số 79 006838 đứng tên **Trần Văn T3**; 01 hợp đồng ủy quyền của ông **Trần Văn T3** ủy quyền cho **Lê Huỳnh Như T1** đối với xe mô tô BKS: 79N3-137.71;

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, màu đỏ - đen, BKS: 79N2-077.02 (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 79 023370 đứng tên **Lê Thị Ái D2**; 01 hợp đồng mua bán xe của cửa hàng xe máy **Ú** bán cho **Lê Huỳnh Như T1** xe mô tô BKS: 79N2-077.02;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max màu tím, 03 điện thoại di động ghi hiệu Vertu, 01 điện thoại di động hiệu **S** Fold 2 màu hồng, 03 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy);

- 09 giấy bảo đảm mua bán vàng của **tiệm V1** (địa chỉ: **H N, Chợ X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**);

- 16 đồng hồ các loại (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy): 01 đồng hồ hiệu NIBOSI, 04 đồng hồ hiệu GUOU, 01 đồng hồ hiệu ROLEX, 01 đồng hồ hiệu CHRIST, 01 đồng hồ hiệu MICHAEL KORS, 01 đồng hồ hiệu VERSUS, 02 đồng hồ hiệu OMEGA, 01 đồng hồ hiệu LONGINES, 01 đồng hồ hiệu BURBERRY, 01 đồng hồ hiệu BOLUN, 01 đồng hồ hiệu GOGOEY, 01 đồng hồ hiệu ORIENT;

- 01 laptop hiệu Acer, màu đen, hiệu TravelMate B3 TMB311-31-C2HB (NX.VNFSV.006) (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 biên nhận thu tiền của **cửa hàng T5** di động đối với **laptop A**, giá 5.888.000 đồng.

Như vậy, quyết định tiếp tục tạm giữ các vật chứng mà Bản án sơ thẩm nêu là để đảm bảo thi hành nghĩa vụ dân sự và các nghĩa vụ khác được tuyên trong phần quyết định của bản án đối với bị cáo. Việc quyết định như bản án sơ thẩm là bảo đảm sự công bằng và đúng quy định. Việc thanh lý tài sản để thực hiện nghĩa vụ dân sự chung và được thực hiện ở giai đoạn Thi hành án dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận quyết định ưu tiên thanh toán riêng cho một nghĩa vụ dân sự nào. Do đó, kháng cáo của bị hại **Đỗ Thị D** không được chấp nhận.

Do kháng cáo về phần xử lý vật chứng không được chấp nhận, bà **Đỗ Thị D** phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại **Đỗ Thị D**; giữ nguyên phần quyết định trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2025/HS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông **Bùi Thanh L** số tiền 1.450.000.000 (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) và bà **Đỗ Thị D** số tiền 3.664.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

3. Về vật chứng vụ án:

* Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giữ các vật chứng sau đây để đảm bảo cho nghĩa vụ bồi thường và các nghĩa vụ khác được tuyên trong phần quyết định của bản án đối với bị cáo:

- Số tiền 657.755.161 đồng thu từ tài khoản **ngân hàng B2** của **Lê Huỳnh Như T1** đến tài khoản tạm giữ số 3949.0904.2403.00000 do **Công an tỉnh K** mở tại Kho bạc Nhà nước **chi nhánh tỉnh K** (theo Lệnh thanh toán đến ngày 19/6/2024 của **K1 chi nhánh tỉnh K**);

- 01 sợi lắc vàng, 03 sợi dây chuyền vàng, 02 chiếc nhẫn vàng có đính đá, 01 cong vàng, 01 nhẫn vàng, 01 vòng vàng có gắn cong trên vòng tròn, 01 chiếc cong vàng có đính đá mặt ngoài, 02 chiếc nhẫn vàng, 01 mặt dây chuyền vàng có đính đá (Loại, chất lượng và khối lượng vàng có biên bản xác nhận kèm theo) đã chuyển kho bạc Nhà nước theo Lệnh nhập kho vật chứng số 710/LNK- CSĐT-HS(Đ2) ngày 06/02/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh K**.

- 01 xe ô tô hiệu KIA, loại Cerato, màu đỏ, BKS: 79A-462.35 (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 79A-462.35 mang số 79 001694 đứng tên **Lê Huỳnh Như T1**; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe số XO/23/067619; 01 giấy chứng nhận kiểm định số KD8546164;

- 01 xe ô tô hiệu HUYNDAI, loại Santafe, màu nâu, BKS: 60A-227.77 (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 60A-227.77 mang số 60 055064 đứng tên **Phạm Thành L1**, 01 giấy chứng nhận kiểm định số DA 2460732, 02 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô số XO/23/021499 và XO/23/021500; 01 hợp đồng ủy quyền của ông **Phạm Thành L1** và **Hồ Thị Mỹ D3** ủy quyền cho **Lê Huỳnh Như T1** đối với xe ô tô BKS: 60A-227.77; 01 hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 1717XE01236010;

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, màu đen, BKS: 79N3-137.71 (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 79N3-137.71 mang số 79 006838 đứng tên **Trần Văn T3**; 01 hợp đồng ủy quyền của ông **Trần Văn T3** ủy quyền cho **Lê Huỳnh Như T1** đối với xe mô tô BKS: 79N3-137.71;

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SH 150i, màu đỏ - đen, BKS: 79N2-077.02 (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 79 023370 đứng tên **Lê Thị Ái D2**; 01 hợp đồng mua bán xe của cửa hàng xe máy **Ú** bán cho **Lê Huỳnh Như T1** xe mô tô BKS: 79N2-077.02;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max màu tím, 03 điện thoại di động ghi hiệu Vertu, 01 điện thoại di động hiệu **S** Fold 2 màu hồng, 03 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy);

- 09 giấy bảo đảm mua bán vàng của **tiệm V1** (địa chỉ: **H N, Chợ X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**);

- 16 đồng hồ các loại (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy): 01 đồng hồ hiệu NIBOSI, 04 đồng hồ hiệu GUOU, 01 đồng hồ hiệu ROLEX, 01 đồng hồ hiệu CHRIST, 01 đồng hồ hiệu MICHAEL KORS, 01 đồng hồ hiệu VERSUS, 02 đồng hồ hiệu OMEGA, 01 đồng hồ hiệu LONGINES, 01 đồng hồ hiệu BURBERRY, 01 đồng hồ hiệu BOLUN, 01 đồng hồ hiệu GOGOY, 01 đồng hồ hiệu ORIENT;

- 01 laptop hiệu Acer, màu đen, hiệu TravelMate B3 TMB311-31-C2HB (NX.VNFSV.006) (không kiểm tra tình trạng, chất lượng máy); 01 biên nhận thu tiền của **cửa hàng T5** di động đối với **laptop A**, giá 5.888.000 đồng.

*Vật chứng được giao nhận theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/3/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh K** và Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.*

4. Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét; việc thi hành án theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Bà **Đỗ Thị D** phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan THAHS- CA tỉnh Khánh Hoà;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Khánh Hoà;
- Trại Tạm giam số 1- CA tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long